

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT
Năm 2016

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600667859 (số ĐKKD cũ: 4703000095), do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 24/02/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 09/07/2010
- Vốn điều lệ: 82.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.322.370.000.000 VNĐ
- Địa chỉ: Đường số 2A – KCN Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại: (84-61) 392 4377
- Số fax: (84-61) 392 4692
- Website: www.bauxeo.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): BAX

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).

Công ty cổ phần Thống Nhất chính thức đi vào hoạt động ngày 24/02/2004, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000095 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp với sự góp vốn của 03 cổ đông sáng lập: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tổng Công ty Tín Nghĩa, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tổng Công ty Cao Su Đồng Nai, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam với vốn điều lệ đăng ký là 82 tỷ đồng. Với nhiệm vụ chính được các cổ đông sáng lập giao là: Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp; Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu dịch vụ; Thi công xây dựng các hạng mục công trình trong Khu công nghiệp, khu dân cư và khu dịch vụ; Dịch vụ tư vấn đầu tư và các dịch vụ kinh doanh khác phục vụ khách hàng đầu tư.

Tháng 09/2003 Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai chấp thuận chủ trương giới thiệu địa điểm lập dự án đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp, đến tháng 05/2005 Quy hoạch chi tiết được Bộ Xây Dựng chấp thuận.

Ngày 12/01/2004 Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Nai có Quyết định số 101/QĐ.CT.UBT v/v thu hồi và tạm giao đất cho Tổng Công ty Tín Nghĩa và Tổng Công ty Cao su Đồng Nai để tiến hành bồi thường giải phóng mặt bằng thành lập Khu công nghiệp Bàu Xéo.



Ngày 24/11/2006, Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập Khu công nghiệp Bàu Xéo theo Quyết định số 1944/TTg-CN, ngày 29/12/2006, Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 47221000042 cho phép Công ty Cổ phần Thống Nhất thực hiện Dự án đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu Công nghiệp Bàu Xéo với tổng diện tích đất theo quy hoạch là 499,8657 ha, vốn đầu tư thực hiện dự án trên 670 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2016, có 27 dự án thực hiện thuê đất tại KCN Bàu Xéo, trong đó có 23 dự án đã đi vào hoạt động và 4 dự án chưa triển khai. KCN Bàu Xéo thu hút trên 562,2 triệu USD và 389,8 tỷ VND vốn đầu tư đăng ký và tỷ lệ lấp đầy đạt 88,52% diện tích đất công nghiệp cho thuê.

Ngày 17/12/2008, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 47121000178, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 12/5/2014 cho phép thực hiện Dự án Khu trung tâm dịch vụ Khu Công nghiệp Bàu Xéo với tổng diện tích đất theo quy hoạch là 336.526,2 m², vốn đầu tư thực hiện dự án là 648,69 tỷ đồng. Dự kiến, dự án khu Trung tâm dịch vụ Khu công nghiệp Bàu Xéo sẽ đem lại doanh thu cho Công ty từ năm 2017. (Theo tiến độ thực hiện dự án được phê duyệt là đến năm 2021 là dự án hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng xã hội; bắt đầu từ năm 2017 công ty sẽ triển khai bán trước đất phân lô bán nền gồm 650 lô đất nền liền kề, 58 lô đất nền biệt thự và căn hộ chung cư nhà ở cho công nhân). Các công trình khác như Trung tâm dịch vụ, nhà văn hóa, phòng khám đa khoa, nhà hàng khách sạn, trường dạy nghề,... công ty sẽ triển khai đến năm 2021 là hoàn thành dự án.

- Ngày 29/12/2016, Công ty đã được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Thống Nhất lên Sàn Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 899/QĐ-SGDHN.

- Các sự kiện khác:

- Công ty được miễn tiền thuê đất trong thời gian 11 năm kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất và được miễn tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án đối với đất dùng cho hạ tầng kỹ thuật, cây xanh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

- + Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp;
 - + Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu dân cư, khu dịch vụ;
 - + Xây dựng các hạng mục công trình trong khu công nghiệp, khu dân cư và khu dịch vụ;
 - + Dịch vụ tư vấn đầu tư và các dịch vụ kinh doanh khác phục vụ khách hàng đầu tư;
- Kinh doanh nước sạch.

+ Hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, lưu giữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

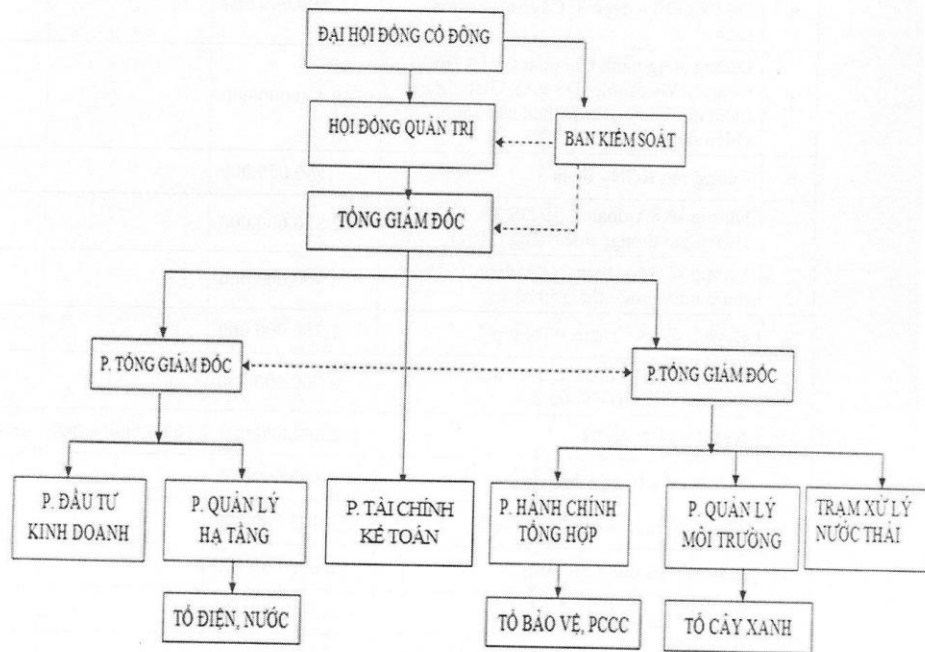
- Địa bàn kinh doanh: KCN Bàu Xéo, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.



- Các công ty con, công ty liên kết: (không có)

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Kiểm soát chặt chẽ công tác đầu tư, bảo đảm việc đầu tư sớm mang lại hiệu quả cho Công ty, đồng thời phải tiếp tục đầu tư các hạng mục hạ tầng của KCN theo cam kết với các cơ quan quản lý Nhà nước. Trong năm 2017 tập trung đầu tư một số hạng mục hạ tầng sau:

1/ Lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản:

Stt	Hạng mục công trình	Giá trị (đồng)	Nguồn vốn thực hiện (đồng)	
			Vốn tự có	Vốn huy động khách hàng

A/	C/TRÌNH NĂM 2016 CHUYỂN SANG	14.525.773.273	14.525.773.273	
B/	CÔNG TRÌNH TRIỂN KHAI NĂM 2017	210.710.000.000	145.710.000.000	65.000.000.000
I/	KHU CÔNG NGHIỆP	43.110.000.000	43.110.000.000	
1.	Tư vấn đầu tư xây dựng	700.000.000		
2.	Đền bù giải phóng mặt bằng	20.200.000.000		
3.	Rà mìn, san nền KCN GD 4, một số diện tích thuộc giai đoạn 2 sau khi thu hồi được đất	4.000.000.000		
4.	Đường số 8A - đoạn 1, 2 (từ ĐS 3A đến ĐS 9A), 9A - đoạn 3: Cây xanh, nước sạch	800.000.000		
5.	Đường song hành bên phải QL1A (từ Công ty Woosung –ĐS 9A): Giao thông, thoát nước mưa, nước thải, cây xanh, chiếu sáng.	5.410.000.000		
6.	Tường rào KCN - đoạn 3	740.000.000		
7.	Đường số 8A-đoạn 1 (từ ĐS 3A đến cọc H3): Giao thông, chiếu sáng (50%)	2.310.000.000		
8.	Đường số 3A - đoạn 2, 8A-đoạn 1: Thoát nước mưa, nước thải (50%)	4.900.000.000		
9.	Đường số 1A: Thâm BTN lớp 2.	1.350.000.000		
10.	Đường số 2A - đoạn 2, 3A - đoạn 1, 4A-đoạn 2: Thâm BTN lớp 2.	2.700.000.000		
II/	KHU TTDV KCN	167.600.000.000	102.600.000.000	65.000.000.000
1.	Tư vấn đầu tư xây dựng.	3.600.000.000		
2.	Thanh lý cây cao su - giai đoạn 2.	12.100.000.000		
3.	Nộp tiền sử dụng đất lần 3.	20.000.000.000		
4.	San nền - giai đoạn 2.	6.500.000.000		
5.	Đường D12: Thoát nước mưa, nước thải từ khu TTDV về KCN.	6.200.000.000		
6.	Hệ thống cấp nước chung - giai đoạn 1.	2.500.000.000		
7.	Hệ thống điện trung thế toàn khu - giai đoạn 1.	13.500.000.000		
8.	Đường D7: Giao thông, thoát nước mưa, nước thải.	8.100.000.000		
9.	Đường N8: Giao thông, thoát nước mưa, nước thải.	11.100.000.000		
10.	Hạ tầng khu nhà ở liên kế LK1, LK2, LK3, biệt thự BT1, BT2, BT3: Giao thông, thoát nước mưa, nước thải, điện hạ thế, chiếu sáng, cấp nước-PCCC (100%).	10.000.000.000		
11.	Hạ tầng khu nhà ở liên kế LK4, LK5, LK6, LK7, LK8, LK9, LK10, LK11: Giao	9.000.000.000		

	thông, thoát nước mưa, nước thải, điện hạ thế, chiếu sáng, cấp nước - PCCC (100%).			
12.	Hạ tầng khu nhà liên kế LK11, LK12, LK18, LK19.	15.000.000.000		
13.	Cây xanh, công viên - giai đoạn 1.	2.000.000.000		
14.	Xây dựng khu nhà chung cư cho công nhân: Hạ tầng, 2 block nhà chung cư (100%)	48.000.000.000		
TỔNG CỘNG		225.235.773.273	160.235.773.273	65.000.000.000

- Việc xác định tiến độ và kế hoạch giải ngân các công trình năm 2017 sẽ được tính toán cụ thể phù hợp với diễn biến của thị trường, riêng đối với Khu Trung tâm Dịch vụ sẽ tiến hành triển khai xây dựng giai đoạn 1 với các hạ tầng thiết yếu nhằm đủ điều kiện chuyển nhượng đất liên kế, biệt thự và triển khai xây dựng nhà ở công nhân KCN.

2/ Lĩnh vực kinh doanh:

- Làm tốt công tác vận động thu hút đầu tư, phấn đấu năm 2017 cho thuê được 3-5ha, quyết liệt trong công tác triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng khu TTDV đảm bảo đủ điều kiện kinh doanh đất liên kế, biệt thự vào Quý II/2017.

- Tập trung đàm phán ký kết hợp đồng sử dụng hạ tầng với Công ty Toàn Thịnh, đơn đốc Công ty HuaChi sớm triển khai thực hiện dự án và hoàn thiện việc đấu nối hạ tầng ký kết hợp đồng sử dụng hạ tầng và hợp đồng xử lý nước thải với Công ty TNHH Thái Nguyên 1.

- Tập trung đàm phán ký kết phụ lục hợp đồng xử lý nước thải với các Doanh nghiệp còn lại theo hướng tính chi phí xử lý theo mức độ ô nhiễm của toàn bộ các chỉ tiêu nước thải.

* Kế hoạch kinh doanh năm 2017:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Tỷ lệ %
I/	Doanh thu	68.254	68.256	100,00
II/	Chi phí	43.317	44.929	103,72
III/	Lợi nhuận trước thuế	24.937	23.326	93,53
IV/	Thuế phải nộp	2.244	2.394	106,68
V/	Lợi nhuận sau thuế	22.693	20.931	92,23
VI/	Phân bổ lợi nhuận	22.693	20.931	92,23
1.	Quý đầu tư phát triển (05%)	2.125	1.046	49,22
2.	Quý khen thưởng phúc lợi (03 tháng lương thực hiện được duyệt)	2.183	2.183	100,00
3.	Thưởng cho HĐQT & BKS (02%)	453	418	92,27
4.	Thưởng cho Ban Điều hành (0,5%)	113	104	92,03
5.	Dự kiến cổ tức	20,00%	20,00%	100,00

3/ Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng:

Tập trung phối hợp với UBND huyện và Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Trảng Bom đẩy nhanh công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và thu hồi đất tại KCN. Riêng đối với phương án đợt 4 sẽ thực hiện biện pháp cưỡng chế một số hộ dân nhằm sớm thu hồi đất bàn giao mặt bằng cho Công ty theo đúng quy định.

4/ Công tác tổ chức:

- Phát huy vai trò hoạt động của các tổ chức chính trị tại đơn vị nhằm xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh, đáp ứng mọi nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Tiếp tục rà soát, tinh gọn bộ máy quản lý, luân chuyển nhân sự phù hợp với các lĩnh vực công tác, hoạt động của Công ty nhằm đạt hiệu quả cao trong công việc, phù hợp với chức năng nhiệm vụ tại các bộ phận phòng ban chuyên môn

5/ Một số công tác khác:

- Chính thức niêm yết cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).

- Cùng với các cổ đông sáng lập làm việc với địa phương tìm quỹ đất triển khai thêm Dự án mới bảo đảm cho sự phát triển ổn định của Công ty trong tương lai.

- Làm việc với Cục Thuế tỉnh về việc ưu đãi miễn giảm và xác định số tiền sử dụng đất của dự án Khu TTDV KCN phải nộp theo quy định.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

+ Triển khai dự án khu TTDV KCN Bàu Xéo.

+ Làm việc với địa phương xin mở rộng KCN.

+ Xây dựng Nhà xưởng cho các nhà đầu tư có nhu cầu thuê lại.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

+ Đã xây dựng và đưa vào hoạt động Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Bàu Xéo giai đoạn 1 công suất 4.000m³/ngày đêm.

+ Xây dựng hệ thống thu gom xử lý thoát nước mưa, nước thải trong KCN Bàu Xéo 1, đến nay đảm bảo việc thu gom toàn bộ nước thải của các doanh nghiệp về nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN.

+ Xây dựng tuyến thoát nước từ Nhà máy xử lý nước thải KCN Bàu Xéo ra Sông Thao, đã giải quyết việc thoát nước cho KCN và các khu vực dân cư lân cận, đảm bảo vấn đề về môi trường tại địa phương

5. Các rủi ro:

- Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, thu hồi đất tại KCN gặp rất nhiều khó khăn, do các hộ dân không đồng ý nhận tiền bồi thường và khiếu kiện kéo dài nên đã ảnh hưởng đến việc bàn giao đất cho nhà đầu tư như đã cam kết và có thêm quỹ đất sạch để thực hiện công tác vận động thu hút đầu tư vào KCN.

- Tình hình thị trường bất động sản tại khu vực vẫn chưa có tiến triển tích cực vì vậy Công ty chưa triển khai xây dựng hạ tầng Khu Trung tâm Dịch vụ mà chỉ tập trung hoàn thành các thủ tục pháp lý cần thiết của Dự án.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Thực hiện 2015	So sánh (%)	
					So với năm 2015	So với kế hoạch
I/	Tổng doanh thu	71.388	68.254	74.103	92,11	95,61
1.	DT bán hàng và dịch vụ	66.021	59.390	67.397	88,12	89,96
	- Tiền thuê đất	6.799	3.552	12.542	28,32	52,25
	- Phí sử dụng hạ tầng & quản lý	39.523	38.410	35.964	106,80	97,18
	- Bán nước sạch	12.767	11.311	12.305	91,92	88,59
	- Xử lý nước thải	4.630	4.458	4.574	97,46	96,27
	- Xử lý chất thải	2.000	1.358	1.710	79,46	67,95
	- Cho thuê văn phòng	300	300	300	100,00	100,00
2.	DT hoạt động tài chính	5.346	5.539	6.705	85,70	103,60
3.	Thu nhập khác	20	3.325	-	1.372	16.625
II/	Tổng chi phí	49.531	43.317	48.927	88,53	87,45
1.	Giá vốn hàng bán	33.282	28.573	34.770	82,18	85,85
	- Tiền thuê đất và hạ tầng	15.624	13.011	18.365	70,85	83,28
	- Giá vốn nước sạch	11.549	9.895	11.063	89,44	85,68
	- Giá vốn xử lý nước thải	4.308	4.401	3.741	117,64	102,15
	- Giá vốn xử lý chất thải	1.800	1.265	1.599	79,08	70,28
2.	Chi phí tài chính		0.034	84	0.04	
3.	Chi phí quản lý DN	16.248	14.743	14.072	104,77	90,74
III/	Lợi nhuận trước thuế	21.856	24.937	25.176	99,05	114,09
IV/	Thuế phải nộp	2.124	2.244	2.286	98,15	105,63
V/	Lợi nhuận sau thuế	19.732	22.693	22.889	99,14	115,01
VI/	Phân bổ lợi nhuận	19.732	22.693	22.889	99,14	115,01
VII/	Phân phối cổ tức	16.400	16.400	18.040	90,90	100,00
VIII/	Tỷ suất cổ tức/vốn điều lệ	20,00%	20,00%	22,00%	90,90	100,00

IX/	Lợi nhuận giữ lại chưa chia		5.198	3.782	137,40	
	- Các năm trước chuyển sang		3.782			
	- Năm 2016		1.416			

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

1. Ông: Nguyễn Hoàng Dũng: Tổng giám đốc

+ Sinh ngày: 05/01/1971

+ Số CMND: 270993062 cấp ngày: 06/4/2005

+ Quê quán: Long An

+ Nơi ở hiện nay: Số 86/1 Nguyễn Thành Phương, khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0,24%

2. Ông: Phan Văn Yên: P. Tổng giám đốc

+ Sinh ngày: 01/01/1957

+ Số CMND: 272222479 cấp ngày: 08/3/2008

+ Quê quán: Quảng Nam

+ Nơi ở hiện nay: 12/27 – KP5 – P. Thống Nhất – Biên Hòa – Đồng Nai

+ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0,15%

3. Ông: Trần Hữu Trung: P. Tổng giám đốc

+ Sinh ngày: 29/4/1973

+ Số CMND: 272224875 cấp ngày: 21/4/2008

+ Quê quán: Thái Bình

+ Nơi ở hiện nay: P.503A Chung cư Thanh Bình – Biên Hòa – Đồng Nai

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0%

4. Ông: Nguyễn Hữu Trí: Kế toán Trưởng

+ Sinh ngày: 09/02/1979

+ Số CMND: 331232816 cấp ngày: 25/4/1995

+ Quê quán: Vĩnh Long

+ Nơi ở hiện nay: 2/66/7 Thiên Phước, Phường 9, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

+ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0%

- Những thay đổi trong ban điều hành: *Không có.*
- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Số lượng CBCNV: 50 người (Bao gồm cả ban điều hành)

Công ty đã xây dựng, ban hành và đưa vào áp dụng thang, bảng lương mới phù hợp với mô hình Công ty cổ phần, theo quy định của Bộ luật Lao động – Thương binh xã hội, hướng tới việc trả lương theo thị trường nhằm hạn chế hiện tượng chảy máu chất xám và thu hút lao động giỏi. Từ đó đến nay hệ thống thang, bảng lương thường xuyên được nghiên cứu sửa đổi và điều chỉnh cho phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như tình hình thực tế kinh doanh. Công ty đã thực hiện tốt chế độ Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Thất nghiệp cho người lao động theo đúng các quy định của Luật Bảo hiểm Xã hội và các Quy định của Chính phủ.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã ban hành thỏa ước lao động, hàng năm được chỉnh sửa bổ sung phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Quy định bao gồm các chính sách phúc lợi áp dụng cho toàn thể CBCNV và một số chính sách có tính đãi ngộ đối với những người lao động giỏi, có trình độ quản lý và chuyên môn cao, bao gồm: Chế độ lương, thưởng, đào tạo, học tập, nghỉ ngơi, lưu trú và các chế độ phúc lợi khác.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết):

* Đầu tư tài chính: không có

* Đầu tư dự án:

Dự án	Tổng mức đầu tư	Thực hiện đến 31/12/2016
Khu công nghiệp Bàu Xéo	673,68 tỷ đồng	410,25 tỷ đồng
Khu Trung tâm dịch vụ	648,69 tỷ đồng	62,856 tỷ đồng

Năm 2016 trong lĩnh vực đầu tư XD CB, đối với KCN do vướng công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, thu hồi đất nên chủ yếu là hoàn thiện các hạng mục hạ tầng đã được thực hiện từ năm trước và triển khai một số hạng mục hạ tầng phục vụ các nhà đầu tư đang thuê đất.

Riêng đối với Dự án Khu TTDV KCN năm 2016 tập trung hoàn thiện hồ sơ pháp lý của Dự án sẽ triển khai đầu tư xây dựng vào năm 2017.

Khối lượng xây dựng cơ bản trong năm 2016 chỉ thực hiện đạt 14,25% so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông với giá trị tương ứng 27,15 tỷ đồng/190,40 tỷ đồng. Lũy kế đến ngày 31/12/2016, tổng mức đầu tư của KCN là: 410,25 tỷ đồng (trong đó chi phí bồi thường là

152,96 tỷ đồng).

b) Các công ty con, công ty liên kết: (không có)

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Tỷ lệ %
Tổng giá trị tài sản	494.718.101.882	498.488.422.785	100,76%
Doanh thu thuần	67.397.918.810	59.390.847.713	88,12%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	24.933.779.642	21.612.411.240	86,68%
Lợi nhuận khác	242.246.758	3.325.137.890	13,72%
Lợi nhuận trước thuế	25.176.026.400	24.937.549.130	99,05%
Lợi nhuận sau thuế	22.889.375.079	22.693.122.052	99,14%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	22%	20%	100%

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	4,12	4,15	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	4,12	4,15	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	72,69%	72,38%	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	266%	262%	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	13,62%	11,91%	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	33,96%	38,20%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16,94%	16,48%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,62%	4,55%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh	36,99%	36,39%	

doanh/Doanh thu thuần			
-----------------------	--	--	--

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần đến ngày 31/12/2016

STT	Cổ đông	Số cổ phần (cổ phần)		Tổng giá trị mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
		hạn chế chuyển nhượng	tự do chuyển nhượng		
01	Tổ chức		5.334.360	53.343.600.000	65,05%
	Trong đó:				
	- Tổ chức trong nước		5.334.360	53.343.600.000	65,05%
02	Cá nhân		2.865.640	28.656.400.000	34,95%
	Trong đó:				
	- Cá nhân trong nước		2.865.640	28.656.400.000	34,95%
03	Cổ phiếu quỹ				
	Tổng cộng		8.200.000	82.000.000.000	100%
	(155 cổ đông)				

b) Cơ cấu cổ đông: Tổng số cổ đông 155 cổ đông

Cổ đông lớn: 3 Cổ đông nhỏ: 152
Cổ đông tổ chức: 2 Cổ đông cá nhân: 153
Cổ đông trong nước: 155 Cổ đông nước ngoài: 0
Cổ đông nhà nước: 02 Cổ đông khác: 153

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: (không có)

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: (không có)

e) Các chứng khoán khác: (không có)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm. (không có)

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức (không có)

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Trong năm 2016, Công ty đã sử dụng 377.000

Kw/h điện năng cho tất cả các hoạt động và cung cấp dịch vụ cho toàn khu công nghiệp Bàu xéo.

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng; báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có

6.3. Tiêu thụ nước:

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nguồn nước cấp từ Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai để sử dụng cho các hoạt động của Công ty và cung cấp cho tất cả Doanh nghiệp trong Khu Công nghiệp. Trong năm 2016 tổng lượng nước sử dụng là 913.207 m³
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

- a) Số lượng lao động là 50 người, mức lương trung bình đối với người lao động: 10.045.000đ/người/tháng

- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Hàng năm, Công ty trang bị bảo hộ lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tổ chức tham quan nghỉ mát cho người lao động và các chế độ bồi dưỡng hợp lý bằng hiện vật nhằm bảo đảm sức khỏe cho người lao động.

- c) Hoạt động đào tạo người lao động.

Công ty thường xuyên tổ chức cho người lao động tham gia các khóa đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động sau khi có kế hoạch tổng hợp của các phòng ban và nội dung đào tạo cụ thể.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Trong năm Công ty đã tham gia ủng hộ đóng góp các quỹ từ thiện, xã hội, xây nhà tình thương và các hoạt động của địa phương với giá trị trên 424 triệu đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổng doanh thu thực hiện 68,25 tỷ đồng đạt 95,61% so kế hoạch và bằng 92,11% so với cùng kỳ, là do:

+ Doanh thu về tiền thuê đất đạt thấp chỉ đạt 52,25% với kế hoạch vì Công ty dự kiến có thu tiền thuê đất phải nộp một lần của 01 DN thuê lại đất của KCN (dự kiến 3 tỷ đồng). Tuy

nhien, đến nay doanh nghiệp này không có nhu cầu nộp tiền thuê đất 01 lần.

+ Tình hình thu phí sử dụng hạ tầng chỉ đạt 97,18% so với kế hoạch do có 01 doanh nghiệp mới ký hợp đồng thuê đất với diện tích 3,1 ha trong Quý 4/2016, Công ty chưa kịp bàn giao đất do vướng công tác bồi thường nên chưa ghi nhận doanh thu trong năm nay đối với phần diện tích đất này.

+ Sản lượng cấp nước sạch và xử lý nước thải không đạt kế hoạch đã đề ra nguyên nhân chủ yếu là do Công ty cổ phần Chăn nuôi C.P (Chi nhánh Đông Lạnh) ngừng sản xuất từ tháng 07/2016, đây là doanh nghiệp sử dụng nước chiếm khoảng 30% tổng khối lượng nước của KCN 1, vì vậy doanh thu nước sạch chỉ đạt 88,59% so với kế hoạch, bằng 91,92% so cùng kỳ kéo theo doanh thu xử lý nước thải đạt 96,27% so với kế hoạch, bằng 97,46% so cùng kỳ.

+ Xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại chỉ bằng 67,95% so với kế hoạch, bằng 79,46% so cùng kỳ nguyên nhân chủ yếu giảm thu gom xử lý chất thải của Công ty cổ phần Chăn nuôi C.P (Chi nhánh Đông Lạnh).

- Mặc dù doanh thu không đạt so với kế hoạch đã đề ra nhưng lợi nhuận vẫn vượt 15,01% là do:

+ Tổng chi phí thực hiện chỉ bằng 87,45% so với kế hoạch và bằng 88,53% so cùng kỳ, nguyên nhân do trong năm giảm tiền thuê đất nộp một lần so kế hoạch, giảm tương ứng doanh thu cung cấp nước sạch, xử lý nước thải, xử lý chất thải và thực hiện chủ trương tiết kiệm, ngay từ đầu năm Công ty đã triển khai các biện pháp nhằm thực hành tiết kiệm, quản lý chặt các khoản chi phí, định mức chi phí xử lý nước thải, điện nước, xăng dầu, văn phòng phẩm.

+ Doanh thu tài chính đạt 103,60% so với kế hoạch, vì Công ty tận dụng tốt nguồn vốn nhàn rỗi và tập trung gửi có kỳ hạn ổn định tại các Ngân hàng Thương mại có uy tín và đạt 85,70% so với cùng kỳ, do mặt bằng lãi suất huy động tiền gửi giảm trung bình từ 6,3%/năm xuống còn 5,2%/năm.

+ Công ty đã tập trung đàm phán với các DN chậm thanh toán tiền và đã thu lãi phạt chậm trả của 2 doanh nghiệp thanh toán chậm tiền thuê hạ tầng trong KCN với tổng số tiền 3,28 tỷ đồng.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

+ Làm tốt công tác bảo vệ môi trường trong đó chất lượng xử lý nước thải đầu ra tương đối ổn định so với quy chuẩn hiện hành. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát các hoạt động xả thải, xử lý chất thải rắn của các doanh nghiệp. Thường xuyên giám sát việc xả thải của các doanh nghiệp kịp thời phát hiện và phụ thu đối với các doanh nghiệp có chất lượng nước thải đầu ra vượt mức cam kết.

+ Hoàn tất đưa trạm bơm tăng áp vào hoạt động, đảm bảo áp lực nước cung cấp đến các doanh nghiệp trong KCN được ổn định, góp phần hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Tổng tài sản đến 31/12/2016 là 498,5 tỷ tăng 1% so với năm 2015

b) Tình hình nợ phải trả

- Tổng nợ phải trả đến 31/12/2016 là 360,823 tỷ đồng, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 7,03% và nợ dài hạn 92,97%. So với năm 2015 tổng nợ phải trả của Công ty tăng 1,2 tỷ đồng tương đương 0,33%. Chủ yếu là doanh thu nhận trước của khách hàng trả tiền thuê đất và hạ tầng một lần cho cả thời gian thuê lại đất trong KCN.

- Tình hình nợ phải trả của Công ty, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:

Các khoản nợ phải trả của Công ty hiện nay chủ yếu là doanh thu nhận trước của khách hàng trả tiền thuê đất và hạ tầng một lần cho cả thời gian thuê lại đất trong KCN, các khoản nhận trước này Công ty không phải trả lãi, nên không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và hiện nay Công ty không có các khoản vay vốn tại các tổ chức tín dụng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ và tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên tham gia vào các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn.

- Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Công ty hướng tới mục tiêu trang bị cho nhân viên những kiến thức, kỹ năng tiên tiến, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đồng thời phát triển tiềm năng của mỗi nhân viên và mang lại hiệu quả tối đa cho Công ty.

- Công ty có những chính sách sau:

+ Tất cả nhân viên được tạo điều kiện nghiên cứu, học tập thông qua các chương trình đào tạo nội bộ, đào tạo bên ngoài, tự đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí công việc của mỗi con người trong lĩnh vực chuyên môn và quản lý.

+ Thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động như: Ký hợp đồng, trích đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm nhân mạng cho người lao động, trang bị bảo hộ lao động và các quyền lợi khác của người lao động.

+ Đảm bảo thực hiện đúng chế độ, tiền lương, thưởng cho người lao động

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Tiếp cận các dự án khu dân cư, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để kịp thời đưa ra những quyết định đầu tư đúng đắn nhằm tạo nguồn thu ổn định và lâu dài cho Công ty.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán : (không có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn chấp hành tốt các quy định các pháp luật hiện hành, không để xảy ra vi phạm về lĩnh vực môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: chú trọng quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi

nhất để người lao động có công việc, thu nhập tốt, ổn định đời sống.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: là một trong những đơn vị đi đầu trong công tác xã hội, từ thiện vì cộng đồng tại tỉnh Đồng Nai.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Công ty đã tích cực đôn đốc, thu hồi công nợ, đặc biệt đối với các DN gặp khó khăn về mặt tài chính không thanh toán đúng hạn, Công ty quyết liệt đàm phán thu khoản phạt chậm trả với số tiền 3,28 tỷ đồng đã đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh năm 2016 trong điều kiện doanh thu năm 2016 giảm 4,39% so kế hoạch góp phần làm cho lợi nhuận sau thuế vượt 15,01% so với kế hoạch đề ra.

- Làm tốt công tác bảo vệ môi trường trong đó chất lượng xử lý nước thải đầu ra tương đối ổn định so với quy chuẩn hiện hành. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát các hoạt động xả thải, xử lý chất thải rắn của các doanh nghiệp. Thường xuyên giám sát việc xả thải của các doanh nghiệp kịp thời phát hiện và phụ thu đối với các doanh nghiệp có chất lượng nước thải đầu ra vượt mức cam kết.

- Hoàn tất đưa trạm bơm tăng áp vào hoạt động, đảm bảo áp lực nước cung cấp đến các doanh nghiệp trong KCN được ổn định, góp phần hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Ban Tổng Giám đốc bám sát thực hiện đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết Hội đồng quản trị. Đã tổ chức, chỉ đạo thực hiện tốt hoạt động kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tuân thủ theo Pháp luật Nhà nước, các quy định tại Điều lệ hoạt động của Công ty

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Tập trung hoàn thiện cơ sở hạ tầng KCN, làm tốt công tác vận động thu hút đầu tư cho thuê đất đối với diện tích đất còn lại của KCN, đồng thời đẩy mạnh triển khai thực hiện dự án Khu TTDV KCN tạo sự tăng trưởng và phát triển cho Công ty trong năm 2017 và những năm tiếp theo.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác):

1. Lê Văn Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số CMTND

: 270137868, cấp ngày: 08/01/2015, nơi cấp: CA Đồng Nai

Ngày, tháng, năm sinh : 16/10/1959

Nơi sinh : Xã Xuân Lập, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Quê quán : Xã Tân Phú Tây, huyện Mô Cày, tỉnh Bến Tre

Địa chỉ thường trú : Ấp Suối Tre, xã Suối Tre, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Long Khánh, Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VRG-OUDOMXAY (Lào)

Số cổ phiếu đang nắm giữ : 989.760 (Bằng chữ: Chín trăm tám mươi chín ngàn, bảy trăm sáu mươi) cổ phần.

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 989.760 cổ phần, đại diện cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tổng công ty Cao su Đồng Nai

2. Ông Lê Hữu Tịnh – Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

Số CMND : 023418424, cấp ngày: 18/8/2014, nơi cấp: CA Tp. HCM

Ngày, tháng, năm sinh : 18/02/1965

Nơi sinh : Xã Đức Phú, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú : Số 45/99, Nguyễn Văn Đậu, Phường 6, quận Bình Thạnh, Tp. HCM

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Tiến Sĩ Kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.
- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tín Nghĩa – Phương Đông
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Tín Nghĩa – Á Châu.

Số cổ phần nắm giữ : 2.391.600 (Hai triệu, ba trăm chín mươi một ngàn, sáu trăm) cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 15.000 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 2.376.600 cổ phần, đại diện cho Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa

3. Ông Lê Văn Danh – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Số CMND : 362160827, cấp ngày: 01/09/2003, nơi cấp: Công an Cần Thơ

Ngày, tháng, năm sinh : 1960

Nơi sinh : Xã An Đức, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ thường trú : 312C/10 Nguyễn Văn Linh, P.An Khánh, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ kinh tế - Chuyên ngành QTKD

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tổng Công ty Tín Nghĩa.
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xăng dầu Tín Nghĩa.
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khu công nghiệp Tín Nghĩa – Phương Đông
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế biến xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai.
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tổng hợp Tân Mai.

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần

4. Ông Nguyễn Văn Thạnh – Thành viên Hội đồng quản trị

Số CMND : 270538324, cấp ngày: 09/10/2003, nơi cấp: Công an tỉnh Đồng Nai

Ngày, tháng, năm sinh : 20/09/1965

Địa chỉ thường trú : Số 782, ấp Suối Tre, xã Suối Tre, Thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học Tài chính kế toán Tp.HCM

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Kế toán trưởng - Phụ Trách Phòng Tài chính – Kế toán – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tổng công ty Cao su Đồng Nai.
- Chủ Tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chế Biến Gỗ Cao su Đồng Nai.
- Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng Cao su Đồng Nai
- Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Điện Biên
- Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cao su Hàng Gòn

Số cổ phần nắm giữ : 999.000 cổ phần (*Bằng chữ: Chín trăm chín mươi chín ngàn*) cổ phần.

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 15.000 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 984.000 cổ phần, đại diện cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tổng công ty Cao su Đồng Nai

5. Ông Nguyễn Hoàng Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Số CMND : 270993062, cấp ngày: 05/09/2016, nơi cấp: CA Đồng Nai

Ngày, tháng, năm sinh : 05/01/1971

Địa chỉ thường trú : Số 86/1 Nguyễn Thành Phương, khu phố 6, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có

Số cổ phần nắm giữ : 19.700 (*Mười chín ngàn bảy trăm*) cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 19.700 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần

6. Ông Lê Văn Liêm – Thành viên Hội đồng quản trị

Số CMND : 270159087, cấp ngày: 15/7/2004, nơi cấp: CA Đồng Nai

Ngày, tháng, năm sinh : 15/11/1961

Địa chỉ thường trú : Số 5, đường 4A, Trung tâm, xã Xuân lập, TX Long Khánh, Đồng Nai

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng, Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Cao su Đồng Nai, Thành viên Hội đồng thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Tổng công ty Cao su Đồng Nai.

Số cổ phần nắm giữ: 1.009.200 cổ phần (Một triệu, chín ngàn, hai trăm) cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 25.200 cổ phần
- Số cổ phần đại diện : 984.000 cổ phần, đại diện cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tổng công ty Cao su Đồng Nai

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp:

-Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã tổ chức 04 phiên họp, ban hành 68 Quyết định và 05 Nghị quyết với các nội dung tập trung hoàn thiện nâng cao các mặt hoạt động điều hành, quản lý của Công ty. Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ban hành đúng chức năng, quyền hạn và phù hợp với chủ trương, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ Điều lệ của Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời, Hội đồng Quản trị thường xuyên theo dõi kịp thời có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp đến Ban Tổng Giám đốc Công ty, đảm bảo việc thực thi các Nghị quyết của Đại hội cổ đông, các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp: (không có)

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: (không có)

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành)

1. Ông Đào Sỹ Du - Trưởng Ban kiểm soát

Số CMND : 271220047, cấp ngày: 13/8/2016, nơi cấp: CA Đồng Nai

Ngày, tháng, năm sinh : 05/04/1975

Địa chỉ thường trú : Đường 6, KP 2, P.Xuân Bình, TX Long Khánh, T. Đồng Nai

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Đại học tài chính kế toán, Cao đẳng tin học

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tổng công ty Cao su Đồng Nai

Số cổ phần nắm giữ : 10.000 (Mười nghìn) cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 10.000 cổ phần

- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần

2. Ông Lê Minh Chương - Thành viên Ban kiểm soát

Số CMND : 271452936, cấp ngày: 28/04/2011, nơi cấp: CA Đồng Nai

Ngày, tháng, năm sinh : 12/03/1969

Địa chỉ thường trú : Tổ 14, KP 6, P. Tân Tiến, Tp. Biên Hoà, T. Đồng Nai

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

+ Giám đốc Kiểm toán nội bộ kiêm Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần
Tổng Công ty Tín Nghĩa

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần

3. Ông Nguyễn Chí Hiếu - Thành viên Ban kiểm soát

Số CMND : 271084687, cấp ngày: 20/06/2009, nơi cấp: CA Đồng Nai

Ngày, tháng, năm sinh : 19/6/1972

Địa chỉ thường trú : 103/25C, Thích Quảng Đức, KP4, phường Xuân An, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện công nghiệp, Kỹ sư Xây dựng Dân dụng và công nghiệp.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên phòng Kế hoạch đầu tư, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tổng Công ty Cao su Đồng Nai.

Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
- Số cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các cuộc kiểm tra và soát xét tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty. Ngoài ra Ban kiểm soát còn tiến hành thực hiện các buổi làm việc chính thức với lãnh đạo Công ty để ghi nhận và kiến nghị kịp thời các vấn đề cấp bách, trọng tâm.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thu nhập của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát năm 2016: 3.004.509.954 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện đúng theo quy trình và quy định pháp luật về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Công ty đã công bố Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2016 trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội và cập nhật trên website Công ty: www.bauxeo.com.vn

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



LÊ VĂN HÙNG

